

KẾ HOẠCH
XÓA MÙ CHỮ, PHỔ CẬP GIÁO DỤC
GIAI ĐOẠN 2023 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An”; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch “Xóa mù chữ, Phổ cập giáo dục giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An”, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho công dân trong độ tuổi đạt chuẩn trình độ học vấn theo quy định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC);
- Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng và tỷ lệ PCGD, XMC trên địa bàn toàn tỉnh; mở rộng độ tuổi xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non.
- Tăng cường vai trò cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc, đoàn thể trong công tác PCGD, XMC.

2. Yêu cầu

- Tất cả các địa phương thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (điều tra, thống kê, xây dựng hồ sơ đạt chuẩn, hồ sơ công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC).
- Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và của hệ thống chính trị. Tất cả các cơ quan, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp đều có trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người được phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, nhất là các đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số và miền núi, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.
- Các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) căn cứ tình hình thực tế địa phương, đơn vị và mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, xác định lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để chỉ đạo, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác XMC, PCGD, xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực cho giáo dục.

- Nâng cao trình độ dân trí một cách bền vững, từng bước mở rộng độ tuổi người mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; từng bước mở rộng độ tuổi phổ cập cho trẻ 3, 4 tuổi, hướng tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi); nâng cao chất lượng, hiệu quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phấn đấu đến năm 2025 có 100% đơn vị cấp huyện, thành, thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; 100% huyện thành, thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 vào năm 2030; ngăn chặn tình trạng mù chữ và tái mù chữ ở người lớn; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở đi đôi với phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; giáo dục phổ thông gắn với dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, của đất nước trong thời đại của nền công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Xóa mù chữ

- Phấn đấu 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 vững chắc. Giảm tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi ở vùng cao xuống dưới 0,5%, chung toàn tỉnh xuống dưới 0,5%. Mở các lớp XMC và giáo dục tiếp tục sau biết chữ để củng cố kết quả đạt được, chống tái mù;

- Phấn đấu hàng năm huy động từ 200-500 người đi học và công nhận miễn khoá biết chữ và sau biết chữ; phấn đấu trên 90% người không tái mù chữ (vì hàng năm vẫn còn đối tượng người mù chữ bổ sung).

b) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Về quy mô, mạng lưới trường lớp: Ổn định quy mô mỗi xã, phường, thị trấn có một trường mầm non công lập nhằm thực hiện vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (PCGDMNTNT) và đảm bảo an sinh xã hội trong lĩnh vực Giáo dục mầm non (GDMN); đồng thời phát triển hệ thống trường, lớp mầm non ngoài công lập, nhất là vùng đô thị, khu công nghiệp, đông dân cư. Đến năm 2025, toàn tỉnh huy động 33% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 96% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến các cơ sở giáo dục mầm non (CSGDMN); trong đó trẻ 5 tuổi đạt trên 99%, tỷ lệ huy động ngoài công lập đạt 15% (vùng đô thị, khu công nghiệp chiếm 40%).

- Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mẫu giáo 5 tuổi; 100% trẻ mầm non được học 2 buổi/ngày, bán trú và được tổ chức theo dõi, khám sức khỏe định kỳ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm; khống chế và giảm tỷ lệ trẻ thừa cân - béo phì ở mức dưới 0,3%; đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi được chuẩn bị các điều kiện cần thiết về phát triển thể chất, nhận thức và các kỹ năng xã hội để trẻ lên học tiểu học có chất lượng.

- Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Phấn đấu đến năm 2025, đảm bảo đủ số lượng giáo viên mầm non tối thiểu theo quy định. Đến năm 2030, 100% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo đạt chuẩn từ CĐSP mầm non trở lên.

- Về cơ sở vật chất, trường lớp: Phấn đấu đến năm 2025, 100% nhóm lớp có phòng học riêng; có ít nhất 75% trường mầm non đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, 100% cơ sở GDMN có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo đầy đủ, đúng quy định; 85% trường mầm non đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn quốc gia.

c) Phổ cập giáo dục tiểu học

- Củng cố, duy trì kết và nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH) mức độ 3 trên phạm vi toàn tỉnh; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, hạ thấp tỉ lệ học sinh yếu, kiên quyết chống bỏ học giữa chừng.

- Phấn đấu đến năm 2025: Đủ số lượng giáo viên để tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018; cơ cấu đội ngũ đảm bảo để dạy các bộ môn theo quy định (có đủ giáo viên chuyên trách dạy các bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tin học và Ngoại ngữ); 100% cơ sở giáo dục có tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ và kỹ năng sống cho học sinh.

- Phấn đấu đến năm 2030: 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019; 100% các trường học có nhà đa năng hoặc sân chơi bãi tập, sân vận động ngoài trời, thư viện xanh cho học sinh đảm bảo theo quy định, có đủ phòng chức năng đạt chuẩn.

d) Phổ cập giáo dục THCS

- Củng cố, duy trì kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 1 vững chắc trên phạm vi toàn tỉnh. Nâng chất lượng giáo dục toàn diện, hạ thấp tỉ lệ học sinh yếu, kém, khắc phục có hiệu quả tình trạng bỏ học giữa chừng.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn đào tạo 100%; cơ cấu đội ngũ đảm bảo để dạy các bộ môn theo quy định, 100% cơ sở giáo dục tổ chức dạy tiếng Anh hệ 10 năm.

- Về cơ sở vật chất phấn đấu hoàn thiện khuôn viên nhà trường, 100% các trường học có đủ phòng học, phòng học bộ môn, sân chơi bãi tập theo quy định.

- Phấn đấu đến năm 2025: 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2; 95% đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2;

- Phấn đấu đến năm 2030: 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

đ) Công tác phân luồng sau THCS, hướng nghiệp

- Giúp học sinh lựa chọn và phụ huynh tạo cho con mình một hướng đi đúng đắn phù hợp sau khi đã tốt nghiệp THCS và THPT;

- Thực hiện tốt phân luồng sau THCS góp phần quan trọng vào việc đạt được mục tiêu giáo dục THCS và phổ cập giáo dục THCS;

- Nâng cao tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT và GDTX cấp THPT vào học nghề và TCCN đạt 20-30%. Thực hiện tốt mô hình học song song 2 bằng (bằng tốt nghiệp THPT và Trung cấp nghề).

2. Các nhóm giải pháp

2.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm về công tác XMC, PCGD trong hệ thống chính trị; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước đối với công tác XMC, PCGD

- Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo về công tác XMC-PCGD đến các tầng lớp nhân dân, các cấp, các ngành, các đoàn thể để tạo sự đồng thuận và quyết tâm của xã hội trong việc thực hiện các mục tiêu về XMC-PCGD; nâng cao nhận thức và chuyển biến hành động trong các cấp ủy, chính quyền, các ngành, gia đình và xã hội về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác XMC-PCGD trong giai đoạn hiện nay đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Đa dạng, phong phú, linh hoạt các hình thức tuyên truyền phù hợp với đối tượng; phối hợp tốt giữa việc tuyên truyền của các phương tiện thông tin đại chúng với tuyên truyền, vận động của các cộng tác viên, tuyên truyền viên tại gia đình và cộng đồng; các cấp từ tỉnh đến thôn xóm đều có trách nhiệm xây dựng, triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục về XMC-PCGD gắn với đặc điểm của đơn vị, địa phương mình; trong nhà trường, coi trọng và xác định rõ trách nhiệm về phổ cập giáo dục; giáo dục học sinh ý thức về học tập chuyên cần, không bỏ học; xây dựng động cơ, thái độ học tập đúng đắn; có nhận thức đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

- Chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển mạng lưới phát triển giáo dục và đào tạo; làm tốt công tác phát triển đảng, giáo dục chính trị tư tưởng trong trường học; thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở trong trường học, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

2.2. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo, xây dựng quy trình kiểm tra, bố trí giáo viên phụ trách công tác XMC-PCGD.

- Kịp thời kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo XMC-PCGD các cấp, bảo đảm đủ thành phần, số lượng theo quy định. Mỗi thành viên trong Ban chỉ đạo XMC-PCGD được phân công nhiệm vụ cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ mình phụ trách, trong đó lưu ý: Ban chỉ đạo XMC-PCGD cấp huyện phải có giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, hiệu trưởng các trường THPT trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; Ban chỉ đạo XMC-PCGD cấp xã phải có hiệu trưởng các trường THCS, TH, MN-MG trên địa bàn xã.

- Tổ chức quy trình kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả XMC, PCGD khoa học, hợp lý, phối hợp gắn kết và liên thông các ngành học, cấp học trong địa bàn (thống nhất thời điểm điều tra, đối tượng điều tra, xử lý số liệu, chia sẻ thông tin, tổ chức kiểm tra, công nhận,...).

- Thực hiện tốt việc phối kết hợp các lực lượng, tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị cùng thực hiện nhiệm vụ XMC, PCGD; thực hiện tốt xã hội hóa công tác XMC, PCGD.

- Sở Giáo dục và Đào tạo phân công công chức phụ trách từng cấp học theo dõi, vận hành hệ thống quản lý thông tin XMC, PCGD trên địa bàn tỉnh. Phòng Giáo dục và Đào tạo phân công 01 công chức hoặc viên chức phụ trách theo dõi, vận hành hệ thống quản lý thông tin XMC, PCGD trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

2.3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên ở các cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh; đáp ứng yêu cầu nhân lực theo đòi hỏi của sự nghiệp giáo dục đào tạo nói chung, công tác XMC, PCGD nói riêng.

- Tập trung ưu tiên tuyển dụng giáo viên viên mầm non đảm bảo đủ theo quy định; Bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với từng cấp học, ngành học, loại hình trường, từng vùng miền nhằm bảo đảm tính cân đối, đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm trong việc sử dụng đội ngũ. Kịp thời điều chỉnh, bố trí tỷ lệ giáo viên/lớp phù hợp với công tác XMC, PCGD và yêu cầu phát triển giáo dục.

- Tổ chức các phong trào thi đua trong các cơ sở giáo dục, phát huy tốt tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Chăm lo công tác bồi dưỡng đội ngũ cả về tư tưởng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng làm việc; coi trọng cả bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn và bồi dưỡng thường xuyên, tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đội ngũ; các phòng giáo dục và đào tạo cần rà soát, đánh giá lại công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn để có kế hoạch đào tạo đảm bảo chất lượng, phù hợp với yêu cầu mới, tránh việc hợp lí hoá công tác này. Chú trọng tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, tăng cường số lượng giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

- Thực hiện nghiêm túc, có công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm, tạo động lực vươn lên ở mỗi cá nhân.

- Bảo đảm đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; quan tâm đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ làm công tác XMC, PCGD ở các địa bàn đặc biệt khó khăn.

2.4. Nhóm giải pháp xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất trường học

- Thực hiện tốt các nội dung của quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2030; kịp thời điều chỉnh quy mô học sinh/lớp các cấp học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Căn cứ vào thực trạng, yêu cầu đạt chuẩn phổ cập theo từng cấp học để lập kế hoạch, dự toán kinh phí, lộ trình xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tôn tạo, xây dựng cảnh quan khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn; bảo đảm 100% phòng học được kiên cố hóa, đủ số lượng 1 phòng học/lớp để thực hiện kế hoạch học 2 buổi/ngày ở các cấp học; có đủ hệ thống phòng chức năng, phòng học bộ môn, khu giáo dục thể chất, bếp ăn bán trú, công trình vệ sinh, nước sạch, sân chơi, bãi tập,... theo đúng tiêu chuẩn quy định

phục vụ tốt cho việc tổ chức dạy và học của trường đạt chuẩn quốc gia; trường lớp đặt ở những vị trí thuận lợi tạo điều kiện cho học sinh đến trường.

- Tăng cường thiết bị dạy học và trang thiết bị sinh hoạt theo hướng ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật mới như máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng tương tác,... để phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học và công tác quản lý nhà trường.

- Huy động các nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và các điều kiện tối thiểu cần thiết đảm bảo công tác dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Lồng ghép nguồn vốn ODA từ các chương trình, dự án của các tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức nước ngoài đầu tư cho hệ thống phòng học, nước sạch, nhà vệ sinh cho các trường thuộc các huyện miền núi cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

2.5. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học

- Triển khai thực hiện các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống bạo hành trẻ trong các CSGDMN.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình Giáo dục mầm non mới, các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc giáo dục trẻ, Hỗ trợ trẻ 5 tuổi trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học, Chương trình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số, Chương trình phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,... nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN.

- Làm tốt việc huy động các đối tượng đi học đúng độ tuổi, duy trì sỹ số, chống bỏ học giữa chừng. Mở các lớp bổ túc THCS, GDTX cấp THPT, làm tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng, khuyến khích học nghề, trung cấp chuyên nghiệp để bảo đảm các mục tiêu phổ cập giáo dục tại các vùng, miền.

- Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong mỗi cơ sở giáo dục.

- Xây dựng hệ thống trường trọng điểm, trường tiên tiến làm nòng cốt về chất lượng cho các cấp học ở mỗi địa phương.

- Tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới quản lý nhà trường nhằm nâng cao hiệu suất, hiệu quả dạy học, giáo dục học sinh.

- Tổ chức nghiêm túc đúng quy chế các kỳ thi. Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng đối với tất cả các cơ sở giáo dục, lấy kết quả kiểm định làm thước đo đánh giá chất lượng hiệu quả dạy học, chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện đầy đủ “3 công khai” trong các cơ sở giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, xã hội lành mạnh, thân thiện, an toàn.

2.6. Nhóm giải pháp về bảo đảm chế độ, chính sách, đẩy mạnh xã hội hóa đối với công tác XMC, PCGD

- Rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân được tiếp cận hoặc tạo ra những cơ hội học tập cho mọi người dân, trong đó chú trọng cơ chế, chính sách thu hút tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia mở các lớp học, các cơ sở dạy nghề dành cho các đối tượng thiệt thòi.

- Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hoá nhằm huy động có hiệu quả nguồn lực tham gia xây dựng công tác XMC, PCGD. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân xây dựng và hợp tác xây dựng nguồn học liệu/tài nguyên học tập/ngân hàng học liệu phong phú về nội dung theo các lĩnh vực, đa dạng về phương thức tiếp cận, phù hợp nhu cầu của người học có trình độ khác nhau, hoàn cảnh khác nhau.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập theo Nghị định số 105/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo, giáo viên dạy lớp ghép, lớp tăng cường tiếng Việt tại điểm trường lẻ và hỗ trợ kinh phí tổ chức bán trú tại các trường mầm non công lập vùng đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

- Bảo đảm ngân sách giáo dục đào tạo hàng năm đủ định mức, thực hiện phân khai mới để các cơ sở chủ động hoạt động theo nhiệm vụ được giao.

- Bố trí tỷ lệ hợp lý và phân khai kinh phí phục vụ công tác XMC, PCGD, tạo thuận lợi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch XMC, PCGD hàng năm.

- Quan tâm đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ công tác XMC, PCGD (máy tính, máy in, máy chiếu,...) ở các nhà trường, các phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo để nâng cao hiệu quả việc điều tra, xử lý, quản lý dữ liệu XMC, PCGD.

- Có cơ chế động viên khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân làm tốt công tác XMC, PCGD.

- Căn cứ vào nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ cụ thể hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các ngành có liên quan để xây dựng dự toán kinh phí trình các cấp phê duyệt theo thẩm quyền để thực hiện. Ưu tiên kinh phí cho các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ, kinh phí bổ túc trung học cơ sở và kinh phí điều tra, hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục.

2.7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động dạy học

- Đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục và đào tạo:

+ Cơ sở giáo dục mầm non: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, hoạt động các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới và thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

+ Cơ sở giáo dục phổ thông: Triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số; Ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

+ Cơ sở giáo dục thường xuyên: Đa dạng nội dung giáo dục, đào tạo, đổi mới mạnh mẽ các phương thức giảng dạy và học tập kết hợp với việc ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông tin, mạng xã hội và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, triển khai tiếp cận kho dữ liệu ngành để mở rộng, nâng cao chất lượng học tập cho mọi người dân.

+ Các trung tâm học tập cộng đồng: Đổi mới phương thức, mô hình hoạt động và cung ứng sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ học tập trên nền tảng công nghệ số; tăng cường hợp tác trong tạo lập và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các trung tâm cộng đồng và các cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức hỗ trợ người dân học tập suốt đời.

III. KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Lộ trình thực hiện

2.1. Từ năm 2023 đến 2025

- Khảo sát, đánh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch giai đoạn 2023-2025.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch thành phần.

- Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2023 - 2025 và triển khai giai đoạn tiếp theo.

2.2. Từ năm 2026 đến 2030

- Duy trì và hoàn thiện các hoạt động đã triển khai trong Kế hoạch đề ra giai đoạn từ năm 2023-2025.

- Bổ sung, điều chỉnh một số hoạt động (nếu cần thiết) phù hợp với yêu cầu chung, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của Kế hoạch.

- Tổng kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh vào cuối năm 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề Kế hoạch Xóa mù chữ - phổ cập giáo dục giai đoạn 2023-2030 đạt kết quả tốt, UBND tỉnh Nghệ An giao cho các sở, ban, ngành liên quan thực hiện các nội dung sau đây:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo “Xây dựng xã hội học tập - Xóa mù chữ - Phổ cập giáo dục” cấp tỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, Hội xây dựng kế hoạch, tham mưu chế độ chính sách về công tác XMC, PCGD trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Chủ động tổ chức các hoạt động huy động và duy trì sỹ số, hoạt động dạy học, thi, cử, đánh giá, kiểm định chất lượng,... nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để duy trì kết quả, nâng cao chuẩn XMC, PCGD vững chắc. Tập trung chỉ đạo đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, 3 đúng lộ trình.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch XMC, PCGD và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tại địa phương, đơn vị.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các kế hoạch triển khai hoạt động hàng năm để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách để tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội thúc đẩy công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; nghiên cứu, đề xuất cơ chế miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp tham gia các hoạt động giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời.

4. Sở Nội vụ

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị để thực hiện Kế hoạch này.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch ưu tiên cấp đất, quy hoạch xây dựng cho các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện công tác XMC, PCGD, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, tham mưu nâng cấp, phát triển các cơ sở đào tạo nghề, giới thiệu việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu học nghề của thanh thiếu niên và người lao động, góp phần phân luồng sau trung học cơ sở; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm cho học sinh sau THCS và THPT để từng bước nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, 3.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh là con của đối tượng chính sách xã hội.

7. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong các cơ sở giáo dục; kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong các trường, lớp theo các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục sức khỏe tại gia đình và cộng đồng.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch, chỉ đạo công tác tuyên truyền, tuyên dương các gương điển hình trong công tác XMC, PCGD.

9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Nghệ An

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác XMC, PCGD ở khu vực biên giới, hải đảo; tuyên truyền, vận động các đối tượng học sinh khu vực biên giới, hải đảo đi học đúng độ tuổi, chống bỏ học; tổ chức cho cán bộ, chiến sỹ tham gia dạy xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cho các đối tượng thuộc địa bàn biên phòng quản lý.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức chính trị - Xã hội, xã hội nghề nghiệp

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục.

11. UBND các huyện, thành phố, thị xã

Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo “Xây dựng xã hội học tập - Xóa mù chữ - Phổ cập giáo dục” cấp huyện, xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các ban, ngành, hội, UBND các xã, phường, thị trấn, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xây dựng Kế hoạch XMC, PCGD trên địa bàn trong quý III năm 2023 và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tại địa phương, đơn vị

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị, các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch. Trong quá trình triển khai, các khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận: *[Signature]*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh (p/h);
- Chủ tịch, PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nội vụ; Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Lao động, Thương binh và Xã hội; Thông tin - Truyền thông;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Đài PTTH tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX (TP, Đức).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

Phụ lục 1
THỐNG KÊ ĐẠT CHUẨN XÓA MÙ CHỮ

(Số liệu thống kê đến hết tháng 12/2022)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Xã/Huyện	Kết quả theo các mức độ			Kết quả chung
		Tổng số phường, xã, thị trấn	Số đạt chuẩn mức độ 1	Số đạt chuẩn mức độ 2	
1	Thành phố Vinh	25	25	25	2
2	Thị xã Cửa Lò	7	7	7	2
3	Thị xã Thái Hoà	9	9	9	2
4	Huyện Quế Phong	13	13	13	2
5	Huyện Quỳnh Châu	12	12	12	2
6	Huyện Kỳ Sơn	21	21	21	2
7	Huyện Tương Dương	17	17	17	2
8	Huyện Nghĩa Đàn	23	23	23	2
9	Huyện Quỳnh Hợp	21	21	21	2
10	Huyện Quỳnh Lưu	33	33	33	2
11	Huyện Con Cuông	13	13	13	2
12	Huyện Tân Kỳ	22	22	22	2
13	Huyện Anh Sơn	21	21	21	2
14	Huyện Diễn Châu	37	37	37	2
15	Huyện Yên Thành	39	39	39	2
16	Huyện Đô Lương	33	33	33	2
17	Huyện Thanh Chương	38	38	38	2
18	Huyện Nghi Lộc	29	29	29	2
19	Huyện Nam Đàn	19	19	19	2
20	Huyện Hưng Nguyên	18	18	18	2
21	Thị Xã Hoàng Mai	10	10	10	2
Cộng		460	460	460	2

Tổng số huyện, thành, thị:	21
Số xã/huyện đạt chuẩn XMC mức độ 1:	21
Số xã/huyện đạt chuẩn XMC mức độ 2:	21

Phụ lục 2

**THỐNG KÊ ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON
CHO TRẺ EM 5 TUỔI**

(Số liệu thống kê đến hết tháng 12/2022)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tỉnh/TP	Tổng số xã	Số xã đạt chuẩn	Tỷ lệ đạt chuẩn	Chung
	Toàn tỉnh				Đạt
1	Tp Vinh	25	24	96%	Đạt
2	Hung Nguyên	18	18	100%	Đạt
3	Nam Đàn	19	18	94.7%	Đạt
4	Thanh Chương	38	38	100%	Đạt
5	Đô Lương	33	33	100%	Đạt
6	Anh Sơn	21	20	95.2%	Đạt
7	Tân Kỳ	22	22	100%	Đạt
8	Con Cuông	13	13	100%	Đạt
9	Tương Dương	17	17	100%	Đạt
10	Kỳ Sơn	21	21	100%	Đạt
11	Nghi Lộc	29	29	100%	Đạt
12	Cửa Lò	7	7	100%	Đạt
13	Diễn Châu	37	37	100%	Đạt
14	Quỳnh Lưu	33	31	94%	Đạt
15	Hoàng Mai	10	10	100%	Đạt
16	Yên Thành	39	39	100%	Đạt
17	Nghĩa Đàn	23	23	100%	Đạt
18	Thái Hòa	9	9	100%	Đạt
19	Quỳ Hợp	21	21	100%	Đạt
20	Quỳ Châu	12	12	100%	Đạt
21	Quế Phong	13	13	100%	Đạt
	Tổng	460	455	98,9%	

Phụ lục 3

THÔNG KÊ ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Số liệu thống kê đến hết tháng 12/2022)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tỉnh/TP	Tỷ lệ xã đạt chuẩn theo các mức độ			Chung
		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	
	Toàn tỉnh				Đạt mức độ 3
1	Tp Vinh	25	25	25	Mức độ 3
2	Hung Nguyên	18	18	18	Mức độ 3
3	Nam Đàn	19	19	19	Mức độ 3
4	Thanh Chương	38	38	38	Mức độ 3
5	Đô Lương	33	33	33	Mức độ 3
6	Anh Sơn	21	21	21	Mức độ 3
7	Tân Kỳ	22	22	22	Mức độ 3
8	Con Cuông	13	13	13	Mức độ 3
9	Tương Dương	17	17	17	Mức độ 3
10	Kỳ Sơn	21	21	21	Mức độ 3
11	Nghi Lộc	29	29	29	Mức độ 3
12	Cửa Lò	7	7	7	Mức độ 3
13	Diễn Châu	37	37	37	Mức độ 3
14	Quỳnh Lưu	33	33	33	Mức độ 3
15	Hoàng Mai	10	10	10	Mức độ 3
16	Yên Thành	39	39	39	Mức độ 3
17	Nghĩa Đàn	23	23	23	Mức độ 3
18	Thái Hòa	9	9	9	Mức độ 3
19	Quỳ Hợp	21	21	21	Mức độ 3
20	Quỳ Châu	12	12	12	Mức độ 3
21	Quế Phong	13	13	13	Mức độ 3
	Tổng	460	460	460	

Phụ lục 4

THỐNG KÊ ĐẠT CHUẨN PHỔ CẤP GIÁO DỤC THCS

(Số liệu thống kê đến hết tháng 12/2022)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tỉnh/TP	Tỷ lệ xã đạt chuẩn theo các mức độ			Chung
		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	
	Toàn tỉnh				Đạt mức độ 1
1	Tp Vinh	25	25	25	Mức độ 3
2	Hưng Nguyên	18	18	18	Mức độ 3
3	Nam Đàn	19	19	18	Mức độ 2
4	Thanh Chương	38	38	36	Mức độ 2
5	Đô Lương	33	33	31	Mức độ 2
6	Anh Sơn	21	21	20	Mức độ 3
7	Tân Kỳ	22	22	22	Mức độ 3
8	Con Cuông	13	13	5	Mức độ 2
9	Tương Dương	17	16	5	Mức độ 1
10	Kỳ Sơn	21	21	7	Mức độ 2
11	Nghi Lộc	29	29	29	Mức độ 3
12	Cửa Lò	7	7	7	Mức độ 3
13	Diễn Châu	37	37	37	Mức độ 3
14	Quỳnh Lưu	33	32	19	Mức độ 2
15	Hoàng Mai	10	10	2	Mức độ 2
16	Yên Thành	39	39	35	Mức độ 2
17	Nghĩa Đàn	23	23	23	Mức độ 3
18	Thái Hòa	9	9	9	Mức độ 3
19	Quỳ Hợp	21	21	21	Mức độ 3
20	Quỳ Châu	12	12	10	Mức độ 2
21	Quế Phong	13	13	9	Mức độ 2
	Tổng	460	458	388	Mức độ 1